ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2026

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ - NĂM 2026

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN:

- Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM
- Mã cơ sở đào tạo: QST
- Địa chỉ cơ sở đạo tạo: 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán, TP.HCM
- Địa chỉ trang thông tin điện tử: https://www.hcmus.edu.vn
- Địa chỉ trang thông tin điện tử tuyển sinh sau đại học: https://sdh.hcmus.edu.vn

2. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

2.1. Các ngành đào tạo trình độ tiến sĩ:

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số quyết định mở ngành	Ngày ban hành QĐ mở ngành	Năm bắt đầu đào tạo
1	Khoa học máy tính	9480101	680/QĐ-SĐH	05/03/1988	1992
2	Hệ thống thông tin	9480104	684/QĐ-ĐHQG-SĐH	19/07/2007	2007
3	Trí tuệ nhân tạo	9480107	1617/QĐ-ĐHQG	15/12/2021	2022
4	Toán giải tích	9460102	39/QĐ-QLKH	14/01/1981	1984
5	Đại số và lý thuyết số	9460104	420/QĐ-SĐH	02/04/1990	1990
6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	9460106	225/QĐ-QLKH	17/06/1983	1994
7	Cơ sở toán học cho tin học	9460110	994/QĐ-ĐHQG-ĐH&SĐH	16/09/2014	2015
8	Toán ứng dụng	9460112	39/QĐ-QLKH	14/01/1981	1990
9	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	9440103	30/QĐ-QLKH	14/01/1981	1990
10	Quang học	9440110	39/QĐ-QLKH	14/01/1981	1990
11	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	9440106	79/QĐ-QLKH	02/02/1987	1990
12	Vật lý chất rắn	9440104	225/QĐ-QLKH	17/06/1983	2002
13	Vật lý địa cầu	9440111	39/QĐ-QLKH	14/01/1981	1990
14	Vật lý kỹ thuật	9520401	1451/QĐ-ĐHQG	10/11/2021	2022
15	Công nghệ bán dẫn	9440102	2280/QĐ-ĐHQG	28/11/2025	2026
16	Vật lý vô tuyến và điện tử	9440105	225/QĐ-QLKH	17/06/1983	2005
17	Thiết kế vi mạch	9520202	2281/QĐ-ĐHQG	28/11/2025	2026
18	Hóa học	Dự kiến			2026-2

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số quyết định mở ngành	Ngày ban hành QĐ mở ngành	Năm bắt đầu đào tạo
19	Hóa hữu cơ	9440114	39/QĐ-QLKH	14/01/1981	1986
20	Hóa phân tích	9440118	79/QĐ-QLKH	02/02/1987	1990
21	Hóa lý thuyết và hóa lý	9440119	39/QĐ-QLKH	14/01/1981	1990
22	Sinh lý thực vật	9420112	39/QĐ-QLKH	14/01/1981	1995
23	Sinh lý học người và động vật	9420104	225/QĐ-QLKH	17/06/1983	2006
24	Hóa sinh học	9420116	1356/QĐ-QLKH	27/10/1987	1990
25	Vi sinh học	9420107	225/QĐ-QLKH	17/06/1983	1990
26	Sinh thái học	9420120	39/QĐ-QLKH	14/01/1981	1990
27	Di truyền học	9420121	255/QĐ-QLKH	17/06/1983	1990
28	Công nghệ sinh học	9420201	696/QĐ-ĐHQG-ĐH&SĐH	21/06/2013	2013
29	Địa chất học	9440201	1014/QĐ-ĐHQG	06/08/2020	2020
30	Môi trường đất và nước	9440303	185/QĐ-ĐHQG-SĐH	02/05/2006	2006
31	Quản lý tài nguyên và môi trường	9850101	59/QĐ-ĐHQG-SĐH	23/01/2006	2007
32	Khoa học vật liệu	9440122	17/QĐ-ĐHQG-ĐH&SĐH	16/01/2012	2012

2.2. Chỉ tiêu tuyển sinh từng ngành:

TT	Tên ngành	Qui mô NCS	Chỉ tiêu tuyển sinh*
1	Khoa học máy tính	31	15
2	Hệ thống thông tin	3	10
3	Trí tuệ nhân tạo	6	15
4	Toán giải tích	23	15
5	Đại số và lý thuyết số	25	5
6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	7	12
7	Cơ sở toán học cho tin học	22	15
8	Toán ứng dụng	11	9
9	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	6	10
10	Quang học	14	15
11	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	20	20
12	Vật lý chất rắn	1	5
13	Vật lý địa cầu	7	5
14	Vật lý kỹ thuật	18	10
15	Công nghệ bán dẫn (ngành mới)	0	7
16	Vật lý vô tuyến và điện tử	3	3

TT	Tên ngành	Qui mô NCS	Chỉ tiêu tuyển sinh*
17	Thiết kế vi mạch (ngành mới)	0	7
18	Hóa học (dự kiến tuyển đợt 2)	0	10
19	Hóa hữu cơ	20	20
20	Hóa phân tích	3	10
21	Hóa lý thuyết và hóa lý	12	20
22	Sinh lý thực vật	2	7
23	Sinh lý học người và động vật	16	15
24	Hóa sinh học	7	23
25	Vi sinh học	20	11
26	Sinh thái học	4	10
27	Di truyền học	2	10
28	Công nghệ sinh học	9	15
29	Địa chất học	11	7
30	Môi trường đất và nước	8	10
31	Quản lý tài nguyên và môi trường	8	10
32.1	Khoa học vật liệu (ĐH KHTN)	8	12
32.2	Khoa học vật liệu (CN Nano)	16	8
	Tổng số	**343**	**376**

(*) Chỉ tiêu tuyển sinh có thể điều chỉnh sau khi có văn bản phê duyệt của Bộ GDĐT

2.3. Phương thức tuyển sinh: xét tuyển

2.4. Điều kiện và đối tượng dự tuyển:

2.4.1. Về văn bằng tốt nghiệp:

- Người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ thạc sĩ ngành đúng (*Phụ lục 1*) hoặc ngành phù hợp (*Phụ lục 2*) với ngành dự tuyển trình độ tiến sĩ.

- Người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy loại giỏi có điểm trung bình tích lũy từ 8.0 trở lên (theo thang điểm 10) ngành đúng (*Phụ lục 1)* hoặc ngành phù hợp (*Phụ lục 2*) với ngành dự tuyển trình độ tiến sĩ.

- Trường hợp người tốt nghiệp thạc sĩ, đại học ngành phù hợp với ngành dự tuyển thì phải được xét môn học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển.

Lưu ý: Người có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ do các cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải có bảng công chứng văn bằng tốt nghiệp và bảng điểm tốt nghiệp tiếng Việt kèm giấy công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GDĐT về văn bằng tốt nghiệp nước ngoài khi nộp hồ sơ dự tuyển. (website đăng ký xác minh văn bằng: https://naric.edu.vn/)

2.4.2. Về năng lực nghiên cứu:

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu;

- Hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố;

- Hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các Cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

2.4.3. Về năng lực ngoại ngữ: Ứng viên đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ như quy định tại *phụ lục 3* Đề án này.

2.4.4. Có 01 bài luận báo cáo về kinh nghiệm chuyên môn; kế hoạch học tập và giới thiệu khái quát đề tài nghiên cứu hay định hướng nghiên cứu của luận án tiến sĩ.

2.4.5. Có hai thư giới thiệu của hai giảng viên hoặc nghiên cứu viên.

2.4.6. Có tối đa 02 người hướng dẫn, trong đó có ít nhất 01 người hướng dẫn là giảng viên cơ hữu của trường ĐH KHTN hoặc các cơ sở đào tạo trong ĐHQG-HCM. (tiêu chuẩn người hướng dẫn xem tại *phụ lục 4*)

2.4.7. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

2.4.8. Có đủ sức khỏe để học tập.

2.4.9. Nộp hồ sơ đầy đủ và đúng thời hạn qui định

2.5. Tiêu chí xét tuyển:

a) Năng lực ngoại ngữ: Người dự tuyển đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ đầu vào như quy định tại *phụ lục 5* của Đề án này.

b) Năng lực nghiên cứu: đạt yêu cầu về năng lực nghiên cứu như qui định tại mục 2.4.2 của Đề án này

c) Phỏng vấn chuyên môn:

- Tiểu ban chuyên môn phỏng vấn trực tiếp để đánh giá trình độ chuyên môn, khả năng tự nghiên cứu, học lực ở bậc đại học, thạc sĩ, ... xét duyệt hướng nghiên cứu của đề tài luận án tiến sĩ.

- Điểm trung bình chung của tất cả thành viên Tiểu ban chuyên môn đạt từ 7.0 trở lên.

d) Đánh giá của Hội đồng tuyển sinh: Hội đồng tuyển sinh Sau đại học sẽ phê duyệt danh sách ứng viên trúng tuyển căn cứ theo kết quả đánh giá của tiểu ban chuyên môn, năng lực ngoại ngữ và chỉ tiêu xét tuyển năm 2026.

2.6. Địa điểm tổ chức tuyển sinh:

Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán, TP. Hồ Chí Minh

2.7. Quy trình xét tuyển:

a) Thông báo tuyển sinh và hồ sơ dự tuyển: công bố tại website: https://sdh.hcmus.edu.vn

b) Đăng ký hồ sơ dự tuyển: Ứng viên đăng ký hồ sơ dự tuyển theo 2 hình thức: trực tiếp và trực tuyến.

- Trực tuyến: Ứng viên đăng ký dự tuyển theo hướng dẫn trong thông báo tuyển sinh trình độ tiến sĩ.

- Trực tiếp: Sau khi đăng ký trực tuyến, ứng viên nộp hồ sơ dự tuyển trực tiếp tại Phòng Đào tạo Sau đại học, Trường ĐH Khoa học tự nhiên

c) Sơ tuyển hồ sơ dự tuyển: Thư ký Hội đồng tuyển sinh sẽ xét sơ tuyển hồ sơ ứng viên đáp ứng đủ các yêu cầu về điều kiện và đối tượng xét tuyển như quy định tại khoản 2.4 Đề án này.

- Ứng viên đạt yêu cầu hồ sơ: Thư ký lập danh sách trích ngang thông tin ứng viên để chuẩn bị hồ sơ cho Tiểu ban chuyên môn xét tuyển.
- Ứng viên không đạt yêu cầu hồ sơ: chuyển trả hồ sơ cho ứng viên

d) Phỏng vấn chuyên môn

- Ứng viên trình bày báo cáo về kinh nghiệm chuyên môn; kế hoạch học tập và giới thiệu khái quát đề tài nghiên cứu hay định hướng nghiên cứu của luận án tiến sĩ.
- Tiểu ban chuyên môn phỏng vấn trực tiếp đánh giá trình độ chuyên môn, khả năng tự nghiên cứu, học lực ở bậc đại học, thạc sĩ, …. xét duyệt hướng nghiên cứu của đề tài luận án tiến sĩ của từng ứng viên.

e) Xét duyệt kết quả: Hội đồng tuyển sinh căn cứ tiêu chí xét tuyển, căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh để xét duyệt thông qua danh sách ứng viên trúng tuyển.

f) Công bố kết quả xét tuyển và danh sách ứng viên trúng tuyển.

2.8. Thời gian tuyển sinh:

- Đợt 1: 30/05/2026 - 06/06/2026 (Mỗi ngành sẽ phỏng vấn 1 buổi).
- Đợt 2: 31/10/2026 - 07/11/2026 (Mỗi ngành sẽ phỏng vấn 1 buổi).

2.9. Quy định về danh mục ngành đúng, ngành phù hợp:

2.9.1. Danh mục ngành đúng *(Phụ lục 1)*

2.9.2. Danh mục ngành phù hợp *(Phụ lục 2)*

2.10. Điều kiện và năng lực nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo:

2.10.1. Các hướng nghiên cứu và danh sách giảng viên cơ hữu đủ điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh *(Phụ lục 4)*

2.10.2. Các điều kiện hỗ trợ nghiên cứu:

- Chủ trương của Nhà trường là gắn kết NCKH với đào tạo sau đại học thông qua việc giảng viên và nghiên cứu sinh cùng tham gia NCKH. Sản phẩm đào tạo của các đề tài NCKH của giảng viên là đào tạo nghiên cứu sinh.
- Các Hội nghị khoa học thường niên; Tạp chí khoa học ĐHQG-HCM là cơ sở để NCS báo cáo kết quả nghiên cứu và đăng bài báo khoa học.
- Các giải thưởng NCKH dành cho NCS: giải thưởng NCKH của ĐHQG-HCM; Giải thưởng công bố khoa học uy tính, Học bổng của VINGROUP, học bổng TOSHIBA, học bổng PONY CHUNG và nhiều học bổng hỗ trợ nghiên cứu sinh khác từ các doanh nghiệp.

2.11. Xử lý vi phạm qui chế tuyển sinh: Thực hiện theo Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông quốc gia hiện hành của Bộ GD&ĐT.

3. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ:

3.1. Hình thức và thời gian đào tạo:

- Hình thức đào tạo: chính quy
- Thời gian đào tạo: Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ đối với người có bằng thạc sĩ là 03 năm; đối với người có bằng đại học và chưa có bằng thạc sĩ là 04 năm.

3.2. Địa điểm đào tạo: Trường Đại học Khoa học tự nhiên, số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán, TP.HCM

3.3. Cấu trúc chương trình đào tạo: Tùy đặc thù từng ngành, chương trình đào tạo tiến sĩ áp dụng theo 02 phương thức sau

3.4.1. Cấu trúc chương trình của Phương thức 1:

Cấu trúc chương trình	**Nội dung chương trình**	
	Nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ	**Nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ**
Học phần bổ sung kiến thức	Môn học chương trình thạc sĩ (Xét theo từng trường hợp, nếu có)	≥ 30 tín chỉ môn học chương trình thạc sĩ
Học phần tiến sĩ	Môn PPNCKH (3 tín chỉ)	Môn PPNCKH (3 tín chỉ)
	Tiểu luận tổng quan (3 tín chỉ)	Tiểu luận tổng quan (3 tín chỉ)
Học phần nghiên cứu	Chuyên đề tiến sĩ (5 tín chỉ x 2 chuyên đề)	Chuyên đề tiến sĩ (5 tín chỉ x 2 chuyên đề)
Luận án tiến sĩ và công bố khoa học	Luận án (74 tín chỉ)	Luận án (74 tín chỉ)
	Công bố khoa học (theo quy định hiện hành)	Công bố khoa học (theo quy định hiện hành)
Tổng số tín chỉ	**≥ 90**	**≥ 120**

3.4.2. Cấu trúc chương trình của Phương thức 2:

Cấu trúc chương trình	**Nội dung chương trình**	
	Nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ	**Nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ**
Học phần bổ sung kiến thức	Môn học chương trình thạc sĩ (Xét theo từng trường hợp, nếu có)	≥ 30 tín chỉ môn học chương trình thạc sĩ
Học phần tiến sĩ bắt buộc	Tiểu luận tổng quan (3 tín chỉ)	Tiểu luận tổng quan (3 tín chỉ)
Học phần tiến sĩ tự chọn	Các môn học học phần tiến sĩ (11-12 tín chỉ, *bao gồm môn PPNCKH (3 tín chỉ)*)	Các môn học học phần tiến sĩ (11-12 tín chỉ, *bao gồm môn PPNCKH (3 tín chỉ)*)
Học phần nghiên cứu	Chuyên đề tiến sĩ (3 tín chỉ x 2 chuyên đề)	Chuyên đề tiến sĩ (3 tín chỉ x 2 chuyên đề)
Luận án tiến sĩ	Luận án (70 tín chỉ)	Luận án (70 tín chỉ)
	Công bố khoa học (theo quy định hiện hành)	Công bố khoa học (theo quy định hiện hành)
Tổng số tín chỉ	**≥ 90**	**≥ 120**

3.4. Học phí

- Học phí chương trình tiến sĩ thu theo năm học và theo khối ngành đào tạo
- Dự kiến học phí năm 2026-2027:

Khối ngành	IV	V	VII
Mức thu (đ/ năm)	72,675,000	78,625,000	71,825,000

3.5. Kế hoạch học tập:

Khóa tuyển sinh năm 2026 sẽ bắt đầu học phần chuyên môn vào tháng 12/2026.

3.6. Kiểm định chất lượng: Trường đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM đã được Bộ giáo dục và Đào tạo công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục đại học năm 2022./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Nguyễn Trung Nhân

Phụ lục 1. Danh mục ngành đúng

DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Stt	Ngành đào tạo tiến sĩ	Ngành tốt nghiệp đại học	Ngành tốt nghiệp thạc sĩ
	KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN		
1	Khoa học máy tính Trí tuệ nhân tạo Hệ thống thông tin	Tin học; Công nghệ thông tin; Khoa học máy tính; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Trí tuệ nhân tạo; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Khoa học dữ liệu; An toàn thông tin; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Sư phạm Tin; Tin học quản lý; Hệ thống thông tin quản lý; Hệ thống thông tin kinh tế; Kỹ thuật dữ liệu.	Tin học; Công nghệ thông tin; Hệ thống thông tin; Khoa học máy tính; Trí tuệ nhân tạo; Khoa học dữ liệu; kỹ thuật lập trình
	KHOA TOÁN - TIN HỌC		
1	Đại số và lý thuyết số	Toán học; Toán tin; Toán ứng dụng; Sư phạm Toán; Khoa học tính toán; Khoa học dữ liệu; Thống kê	Đại số và lý thuyết số; Hình học-Tôpô; Phương pháp toán sơ cấp
2	Toán giải tích	Toán học; Toán tin; Toán ứng dụng; Thống kê; Sư phạm Toán	Toán giải tích
3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	Toán học; Toán tin; Toán ứng dụng; Thống kê; Sư phạm Toán; Xác suất Thống kê toán; Khoa học dữ liệu.	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học; Thống kê
4	Cơ sở toán cho tin học	Toán học; Sư phạm Toán; Toán tin; Tin học; Sư phạm Tin; Công nghệ thông tin; Cơ học; Tin học quản lý; Toán ứng dụng.	Cơ sở toán cho tin học; Tin học; Khoa học máy tính; Toán ứng dụng
5	Toán ứng dụng	Toán học; Khoa học tính toán; Khoa học dữ liệu; Toán ứng dụng; Toán cơ; Toán tin; Thống kê; Sư phạm Toán.	Toán ứng dụng; Toán giải tích; Lý thuyết xác suất và Thống kê toán học
	KHOA VẬT LÝ -VẬT LÝ KỸ THUẬT		
1	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Vật lý; Sư phạm Vật lý; Vật lý kỹ thuật; Kỹ thuật hạt nhân	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
2	Quang học	Vật lý; Khoa học vật liệu; Sư phạm Vật lý; Vật lý kỹ thuật; Kỹ thuật y sinh; Kỹ thuật điện tử-viễn thông; Hóa học (chuyên ngành Hóa lý); Kỹ thuật hạt nhân	Quang học; Vật lý vô tuyến và điện tử; Vật lý ứng dụng; Khoa học vật liệu; Vật lý kỹ thuật
3	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	Vật lý hạt nhân; Vật lý; Vật lý Y khoa; Kỹ thuật hạt nhân; Công nghệ hạt nhân; Sư phạm Vật lý	Vật lý nguyên tử và hạt nhân; Vật lý Kỹ thuật; Vật lý lý tuyết và vật lý toán

Stt	Ngành đào tạo tiến sĩ	Ngành tốt nghiệp đại học	Ngành tốt nghiệp thạc sĩ
4	Vật lý địa cầu	Vật lý địa cầu; Vật lý; Sư phạm Vật lý; Hải dương học; Khí tượng khí hậu học	Vật lý địa cầu; Khí tượng khí hậu học; Hải dương học
5	Vật lý chất rắn	Vật lý, Sư phạm Vật lý	Quang học; Khoa học vật liệu; Vật lý vô tuyến và điện tử
6	Vật lý kỹ thuật	Vật lý; Sư phạm Vật lý, Điện – Điện tử; Điện tử viễn thông; Khoa học vật liệu; Công nghệ thông tin; Toán tin;	Vật lý kỹ thuật; Vật lý vô tuyến và điện tử; Vật lý chất rắn; Vật lý lý thuyết và vật lý toán; Quang học; Vật lý nguyên tử và hạt nhân; Vật lý địa cầu; Khoa học vật liệu; Kỹ thuật điện tử; Điện - điện tử; Công nghệ bán dẫn; Kỹ thuật hạt nhân; Vật lý y khoa; Khoa học Máy tính; Kỹ thuật Máy tính; Kỹ thuật y sinh
7	Công nghệ bán dẫn	Công nghệ bán dẫn; Vật lý học; Công nghệ vật lý điện tử và tin học; Vi mạch bán dẫn; Kỹ thuật hạt nhân	Công nghệ bán dẫn; Vật lý học; Công nghệ vật lý điện tự và tin học; Vi mạch bán dẫn; Vật lý kỹ thuật; Sư phạm vật lý; Điện- điện tử; Khoa học vật liệu; Công nghệ vật liệu; Hệ thống nhúng và IoT; Chuyên ngành Vi điện tử và Thiết kế vi mạch; Chuyên ngành điện tử-viễn thông-máy tính; Chuyên ngành Giảng dạy vật lý thực nghiệm; Quang học; Chuyên ngành vật lý ứng dụng
	KHOA ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG		
1	Vật lý vô tuyến và điện tử	Điện tử-Viễn thông; Điện-Điện tử; Vật lý điện tử; Vật lý Tin học; Kỹ thuật máy tính, Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật điện tử; Điện tử- Viễn thông; Điện-Điện tử; Vật lý điện tử; Vật lý Tin học; Vi điện tử và thiết kế vi mạch
2	Thiết kế vi mạch	Thiết kế vi mạch; Điện tử-Viễn thông; Điện-Điện tử; Kỹ thuật điện; Kỹ thuật rađa - dẫn đường; Kỹ thuật điện tử; Kỹ thuật viễn thông; Kỹ thuật mật mã; Kỹ thuật thủy âm; Kỹ thuật biển; Kỹ thuật điện tử - viễn thông; Kỹ thuật điện tử - truyền thông; Kỹ thuật y sinh; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa. Kỹ thuật máy tính; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Kỹ thuật máy tính; Công nghệ kỹ thuật máy tính. Vật lý (chuyên ngành Vật lý tin học, Vật lý điện tử); Công nghệ bán dẫn	Thiết kế vi mạch; Kỹ thuật điện tử; Điện tử- Viễn thông; Điện-Điện tử; Kỹ thuật rađa - dẫn đường; Kỹ thuật mật mã; Kỹ thuật y sinh; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Vật lý điện tử; Vật lý Tin học; Vật lý vô tuyến và điện tử; Vi điện tử và thiết kế vi mạch; Vật lý kỹ thuật; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Kỹ thuật máy tính; An toàn thông tin; Công nghệ bán dẫn
	KHOA HÓA HỌC		

Stt	Ngành đào tạo tiến sĩ	Ngành tốt nghiệp đại học	Ngành tốt nghiệp thạc sĩ
1	Hóa hữu cơ	Hóa học; Công nghệ hóa học; Công nghệ thực phẩm; Sư phạm Hóa; Kỹ thuật hóa học; Hóa dược; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Khoa học ứng dụng	Hóa hữu cơ; Hóa học; Công nghệ hóa học; Công nghệ thực phẩm; Kỹ thuật hóa học; Hóa dược; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa phân tích
2	Hóa lý thuyết và hóa lý	Hóa học; Công nghệ hóa; Khoa học Vật liệu; Sư phạm Hóa; Công nghệ Thực phẩm	Hóa lý thuyết và hóa lý; Hóa học; Công nghệ hóa; Khoa học vật liệu; Công nghệ thực phẩm; Hóa vô cơ
3	Hóa phân tích	Hóa học; Công nghệ Thực phẩm; Công nghệ Hóa; Sư phạm Hóa	Hóa phân tích; Hóa học; Công nghệ thực phẩm; Công nghệ hóa học
	KHOA SINH HỌC - CÔNG NGHỆ SINH HỌC		
1	Sinh lý học Thực vật	Sinh học; Sinh học ứng dụng; Công nghệ sinh học; Sư phạm Sinh học; Nông nghiệp; Nông học; Bảo vệ thực vật; Khoa học cây trồng; Lâm sinh; Lâm học	Sinh lý thực vật; Sinh học; Công nghệ sinh học; Nông học; Khoa học cây trồng
2	Sinh lý học người và động vật	Sinh học; Công nghệ sinh học; Kỹ thuật sinh học; Sinh học ứng dụng; Sư phạm Sinh học; Thú y; Y khoa; Dinh dưỡng	Sinh học; Sinh học thực nghiệm; Vi sinh vật học; Hóa sinh học; Di truyền học; Công nghệ sinh học; Y học
3	Hóa sinh hoc	Sinh học; Sinh - Môi trường; Công nghệ sinh học; Sư phạm Sinh học; Sinh học ứng dụng; Kỹ thuật sinh học.	Hóa sinh học; Sinh học; Công nghệ sinh học.
4	Vi sinh vật học	Sinh học; Sư phạm Sinh học; Công nghệ sinh học; Kỹ thuật Sinh học; Sinh học ứng dụng.	Vi sinh vật học; Sinh học; Công nghệ sinh học; Di truyền học; Hóa sinh học.
5	Sinh thái học	Sinh học; Công nghệ sinh học; Sư phạm Sinh học; Khoa học môi trường; Lâm nghiệp; Nông nghiệp; Thủy sản; Quản lý môi trường; Quản lý nguồn lợi thủy sản; Lâm sinh; Nông lâm kết hợp; Quản lý tài nguyên rừng; Nông học; Bảo vệ thực vật; Thiết kế cảnh quan; Lâm nghiệp đô thị; Kinh tế tài nguyên môi trường; Kinh tế nông nghiệp; Phát triển nông thôn; Tài nguyên và du lịch sinh thái; Nuôi trồng thủy sản; Kỹ thuật môi trường; Ngư y; Thú y; Sinh y học môi trường	Sinh thái học; Vi sinh vật học; Sinh học; Sư phạm Sinh học; Công nghệ sinh học, Khoa học sự sống; Khoa học Môi trường; Lâm nghiệp; Nông nghiệp; Thủy sản; Kinh tế tài nguyên môi trường; Kinh tế nông nghiệp; Kinh tế lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên và Môi trường; Thiết kế cảnh quan; Thực vật học
6	Di truyền học	Sinh học; Sinh - Môi trường; Công nghệ sinh học; Sư phạm Sinh học; Sinh học ứng dụng; Kỹ thuật sinh học	Di truyền học; Vi sinh vật học; Sinh học; Công nghệ sinh học; Hóa sinh học

Stt	Ngành đào tạo tiến sĩ	Ngành tốt nghiệp đại học	Ngành tốt nghiệp thạc sĩ
7	Công nghệ sinh học	Sinh học; Sinh - Môi trường; Công nghệ sinh học; Sư phạm Sinh học; Sinh học ứng dụng; Kỹ thuật sinh học; Khoa học cây trồng.	Công nghệ sinh học; Di truyền học; Vi sinh vật học; Sinh học; Hóa sinh học;
	KHOA ĐỊA CHẤT		
1	Địa chất học	Địa chất học; Kỹ thuật địa chất; Địa kỹ thuật; Địa môi trường; Địa chất dầu khí; Địa vật lý; Vật lý địa cầu; Quản lý tài nguyên thiên nhiên; Quản lý tài nguyên và môi trường; Quản lý tài nguyên khoáng sản; Kỹ thuật dầu khí; Khoa học Trái đất; GIS và viễn thám.	Địa chất học; Kỹ thuật địa chất; Địa kỹ thuật; Địa môi trường; Địa chất dầu khí; Địa vật lý; Vật lý địa cầu; Quản lý tài nguyên thiên nhiên; Quản lý tài nguyên và môi trường Quản lý tài nguyên khoáng sản; Kỹ thuật dầu khí; Khoa học Trái đất; GIS và viễn thám.
	KHOA MÔI TRƯỜNG		
1	Môi trường đất và nước	Khoa học Môi trường; Kỹ thuật Môi trường; Công nghệ môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường; Quản lý đất đai; Quản lý biển đảo và đới bờ.	Khoa học môi trường; Kỹ thuật Môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường
2	Quản lý tài nguyên và môi trường	Khoa học Môi trường; Kỹ thuật Môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường; Quản lý đất đai; Quản lý biển đảo và đới bờ.	Quản lý tài nguyên và môi trường; Khoa học môi trường; Kỹ thuật Môi trường
	KHOA KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VẬT LIỆU		
1	Khoa học vật liệu (hướng KHTN)	Khoa học vật liệu; Công nghệ vật liệu; Khoa học và công nghệ vật liệu; Kỹ thuật vật liệu; Vật lý; Sư phạm Vật lý; Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Kỹ thuật hóa học; Sư phạm Hóa học; Công nghệ hóa học.	Khoa học vật liệu; Công nghệ vật liệu; Khoa học và công nghệ vật liệu; Kỹ thuật vật liệu; Vật lý chất rắn, Quang học; Vật liệu y sinh; Hóa phân tích, Hóa lý, Hóa học, Công nghệ kỹ thuật hóa học

Phụ lục 2. Danh mục ngành phù hợp

DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Stt	Ngành đào tạo tiến sĩ	Ngành tốt nghiệp Thạc sĩ	Môn học BTKT
	KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN		
1	Trí tuệ nhân tạo	Kỹ thuật điện; Điện tử và viễn thông; Kỹ thuật điện tử; Toán và thống kê; Toán học; Toán giải tích; Đại số và lý thuyết số; Hình học và tôpô; Cơ sở toán học cho tin học; Toán ứng dụng	1. Học máy nâng cao (4TC) 2. Trí tuệ nhân tạo nâng cao (4TC) 3. Khai thác dữ liệu lớn (4TC) 4. Xử lý ngôn ngữ tự nhiên nâng cao (4TC)
2	Trí tuệ nhân tạo Khoa học máy tính	Khoa học y tế	Học máy nâng cao (4 TC) Trí tuệ nhân tạo nâng cao (4 TC)
3	Trí tuệ nhân tạo	Kỹ thuật công nghệ Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	1. Học máy nâng cao (4TC) 2. Trí tuệ nhân tạo nâng cao (4TC) 3. Lập trình cho trí tuệ nhân tạo nâng cao (4TC)
4	Khoa học máy tính	Các ngành phù hợp khác	Xét theo ngành tốt nghiệp thạc sĩ
5	Hệ thống thông tin	Các ngành phù hợp khác	Xét theo ngành tốt nghiệp thạc sĩ
	KHOA TOÁN - TIN HỌC		
1	Đại số và lý thuyết số	Các ngành phù hợp khác	Xét theo ngành tốt nghiệp thạc sĩ
2	Toán giải tích	Các ngành phù hợp khác	Xét theo ngành tốt nghiệp thạc sĩ
3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	Các ngành phù hợp khác	Xét theo ngành tốt nghiệp thạc sĩ
4	Cơ sở toán cho tin học	Các ngành phù hợp khác	Xét theo ngành tốt nghiệp thạc sĩ
5	Toán ứng dụng	Đại số và lý thuyết số	1. Quy hoạch phi tuyến (4TC) 2. Giải tích số (4TC) 3. Giải tích lồi (4TC) 4. Mô hình hóa thống kê (4TC) 5. Giải tích đa trị (4TC)
6	Toán ứng dụng	Các ngành phù hợp khác	Xét theo ngành tốt nghiệp thạc sĩ
	KHOA VẬT LÝ - VẬT LÝ KỸ THUẬT		
1	Vật lý thuyết thuyết và vật lý toán	Vật lý nguyên tử hạt nhân & năng lượng cao	1. Cơ sở vật lý cho vật lý lý thuyết 2. Lý thuyết trường lượng tử 3. Lý thuyết trường hấp dẫn 4. Lý thuyết chất rắn 5. Lý thuyết hệ nhiều hạt 6. 1 môn tự chọc khác
2	Quang học	Kỹ thuật Y tế	1. Vật lý Laser và quang phổ laser 2. Quang phổ ứng dụng 3. Kỹ thuật phân tích vật liệu rắn 4. Vật lý tinh thể
3	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	Hình ảnh học y khoa và khoa học phóng xạ	1. An toàn liều lượng (3TC) 2. Xử lý ảnh y khoa (4TC) 3. Ứng dụng phần mềm trong vật lý hạt nhân (4TC)

Stt	Ngành đào tạo tiến sĩ	Ngành tốt nghiệp Thạc sĩ	Môn học BTKT
4	Vật lý địa cầu	Vật lý kỹ thuật	1. Thăm dò điện 2. Thăm dò địa chấn 3. Phương pháp điện từ
5	Vật lý địa cầu	Địa chất học; Kỹ thuật dầu khí	1. Vật lý địa cầu môi trường 2. Vật lý địa cầu ứng dụng
6	Vật lý chất rắn	Kỹ thuật điện tử- Viễn thông máy tính	1. Vật lý tinh thể 2. Thiết bị quang điện 3. Một số PPNC cấu trúc tinh thể và cấu trúc vùng năng lượng 4. Công nghệ chế tạo màng mỏng 5. Vật liệu thông minh và ứng dụng
7	Vật lý kỹ thuật	Cơ điện tử; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Cơ học; Cơ kỹ thuật; Kỹ thuật cơ điện tử; Khoa học tính toán; Hóa học; Kỹ thuật hoá học; Hoá vô cơ; Hoá lí thuyết và hoá lí.	Chọn học bổ sung 10 tín chỉ thuộc chương trình đào tạo cao học của ngành Vật lý kỹ thuật, Vật lý vô tuyến và điện tử, Quang học
8	Công nghệ bán dẫn	- Công nghệ thông tin; Khoa học máy tính; Kỹ thuật máy tính; Trí tuệ nhân tạo. - Khoa học dữ liệu; Toán học; Toán – tin học; Toán ứng dụng. - Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học. - Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động; Năng lượng tái tạo.	1. Kỹ thuật vi chế tạo (3TC) 2. Công nghệ bán dẫn cơ sở và các kỹ thuật hỗ trợ (3TC) 3. Vật lý chất rắn và bán dẫn (3TC)
	KHOA ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG		
1	Vật lý vô tuyến và điện tử	Các ngành phù hợp khác	Xét theo ngành tốt nghiệp thạc sĩ
2	Thiết kế vi mạch	- Trí tuệ nhân tạo; Khoa học máy tính; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Công nghệ thông tin - Quản lý công nghệ thông tin; Quản lý Hệ thống thông tin - Kỹ thuật cơ điện tử	1. Xử lý tín hiệu số (3TC)
3	Thiết kế vi mạch	Các ngành khác thuộc nhóm ngành: 844- Khoa học tự nhiên 846- Toán và thống kê 848- Máy tính và công nghệ thông tin 851- Công nghệ kỹ thuật 852- Kỹ thuật	1. Điện tử số (2TC) 2. Xử lý tín hiệu số (3TC)
4	Thiết kế vi mạch	Các ngành phù hợp khác	Xét theo từng trường hợp
	KHOA HÓA HỌC		
1	Hoá hữu cơ	Hóa Vô cơ; Hóa lý và Hóa lý thuyết; Khoa học và Công nghệ thực phẩm; Công nghệ thực phẩm và đồ uống; Khoa học vật liệu; Vật liệu y sinh; Môi trường; Khoa học môi trường; Công nghệ môi trường; Y học cổ truyền	1. Hóa học các hợp chất thiên nhiên nâng cao 2. Tổng hợp hữu cơ nâng cao 3. Các phương pháp phân tích cấu trúc hợp chất nâng cao

Stt	Ngành đào tạo tiến sĩ	Ngành tốt nghiệp Thạc sĩ	Môn học BTKT
2	Hoá hữu cơ	Công nghệ sinh học; Sinh học; Sinh hóa;	1. Hóa học các hợp chất thiên nhiên nâng cao 2. Các phương pháp phổ nghiệm trong hóa học hữu cơ
3	Hóa phân tích	Khoa học và Công nghệ thực phẩm; Công nghệ thực phẩm và đồ uống; Khoa học môi trường; Môi trường; CNSH; Sinh học; Khoa học vật liệu.	1. Các phương pháp phân tích sắc ký và ứng dụng 2. PP xử lý thống kê và ứng dụng 3. Các PP phân tích dụng cụ 1
4	Hoá lý thuyết và hoá lý	Hoá phân tích	1. Hóa xúc tác nâng cao và ứng dụng 2. Kỹ thuật điện hóa và ứng dụng 3. Thực hành phân tích dụng cụ 1
5	Hoá lý thuyết và hoá lý	Hóa Vô cơ; Hóa hữu cơ; Công nghệ thực phẩm; Khoa học môi trường; Vật liệu và linh kiện nano; Khoa học vật liệu; Kỹ thuật vật liệu	1. Hóa xúc tác nâng cao và ứng dụng 2. Kỹ thuật điện hóa và ứng dụng 3. Tổng hợp polyme nâng cao
6	Hoá lý thuyết và hoá lý	Công nghệ sinh học; Sinh học	1. Hóa xúc tác nâng cao và ứng dụng 2. Kỹ thuật điện hóa và ứng dụng 3. Tổng hợp polyme nâng cao 4. Các phương pháp phân tích tính chất hóa lý vật liệu
	KHOA SINH HỌC - CÔNG NGHỆ SINH HỌC		
1	Sinh lý học thực vật	Các ngành phù hợp khác	Xét theo ngành tốt nghiệp thạc sĩ
2	Sinh lý học người và động vật	Vi sinh vật học	1. Nội tiết học 2. sinh lý dinh dưỡng 3. Sinh lý sinh hóa các quá trình trong cơ thể
3	Sinh lý học người và động vật	Y Khoa	1. Y sinh học tái tạo (3TC) 2. Công nghệ tế bào gốc và ứng dụng (3TC)
2	Sinh lý học người và động vật	Sinh thái học; Khoa học vật liệu; Công nghệ vật liệu; Kỹ thuật y sinh	1. Sinh lý các quá trình trong cơ thể (3TC) 2. Mô hình động vật trong nghiên cứu y sinh (3TC 3. Công nghệ tế bào gốc và ứng dụng (3TC)
4	Hoá sinh học	Công nghệ thực phẩm & đồ uống; Hóa học; Sinh lý thực vật; Sinh thái môi trường; Công nghệ hóa học, Sinh học thực nghiệm, Vi sinh vật học; Kiểm nghiệm thuốc và độc chất	1. Thu nhận và ứng dụng các hợp chất có hoạt tính sinh học (3TC) 2. Enzyme học nâng cao (3TC)
5	Hoá sinh học	Dược lý - Dược lâm sàng	1. Kỹ thuật sinh hoá (chọn 1 trong 2: lý thuyết hoặc thực tập) 2. Enzyme học nâng cao (3TC)
6	Hoá sinh học	Y học cổ truyền, Y đa Khoa	1/ Kỹ thuật sinh hoá (chọn 1 trong 2: lý thuyết hoặc thực tập) 2. Enzyme học nâng cao (3TC) 3. Công nghệ sinh hóa học

Stt	Ngành đào tạo tiến sĩ	Ngành tốt nghiệp Thạc sĩ	Môn học BTKT
7	Sinh thái học	Kỹ thuật môi trường	1. Sinh học bảo tồn (3TC) 2. Hệ sinh thái đất ngập nước (3TC) 3. Thực tập chuyên đề (3TC) 4. 1 môn tự chọn khác (3TC)
8	Vi sinh vật học	Sinh học thực nghiệm	1. Phương pháp NCKH 2. Sinh học tế bào 3. Sinh học phân tử eukaryote 4. Biến dưỡng năng lượng và vật chất ở vi sinh vật 6. Thực tập chuyên ngành vi sinh
9	Vi sinh vật học	Bảo vệ thực vật	Di truyền vi sinh vật (3TC)
10	Di truyền học	Y khoa	Sinh học phân tử đại cương
11	Công nghệ sinh học	Dược học; Dược lý và Dược lâm sàng; Chấn thương chỉnh hình	1. Sinh học phân tử tế bào 2. Miễn dịch học phân tử và tế bào nâng cao 3. Các vấn đề hiện đại trong CNSH 4. Công nghệ y sinh học tái tạo 5. Sinh học ung thư
12	Công nghệ sinh học	Thực vật học; Sinh học thực nghiệm	1. Sinh học phân tử tế bào (3TC) 2. Miễn dịch học phân tử và tế bào nâng cao (3TC) 3. Các vấn đề hiện đại trong CNSH 4. Phương pháp NCKH (3TC)
13	Công nghệ sinh học	Thủy sản	1. Sinh học phân tử tế bào (3TC) 2. Thực tập xử lý dữ liệu sinh học (3TC) 3. Phương pháp NCKH (3TC)
	KHOA ĐỊA CHẤT		
	Địa chất học	Địa kỹ thuật, Địa môi trường, Địa chất dầu khí, Địa vật lý, Vật lý địa cầu, Quản lý tài nguyên thiên nhiên, Quản lý tài nguyên và môi trường, Kỹ thuật dầu khí	Xét theo ngành tốt nghiệp thạc sĩ
	KHOA MÔI TRƯỜNG		
1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Sinh thái học; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Quản lý tài nguyên rừng; Bản đồ; Viễn thám và hệ thống thông tin địa lý; Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ; Địa lý tự nhiên; Địa lý tài nguyên và môi trường; Khí tượng và khí hậu học; Thủy văn học; Hải dương học; Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững; Đô thị học; Quản lý đô thị; Kỹ thuật tài nguyên nước; Kỹ thuật cấp nước.	1. Quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường (3TC) 2. Quan trắc và đánh giá chất lượng môi trường (3TC) 3. GIS và viễn thám ứng dụng trong quản lý TN&MT (3TC)

Stt	Ngành đào tạo tiến sĩ	Ngành tốt nghiệp Thạc sĩ	Môn học BTKT
1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Sinh thái học; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Quản lý tài nguyên rừng; Bản đồ; Viễn thám và hệ thống thông tin địa lý; Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ; Địa lý tự nhiên; Địa lý tài nguyên và môi trường; Khí tượng và khí hậu học; Thủy văn học; Hải dương học; Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững; Đô thị học; Quản lý đô thị; Kỹ thuật tài nguyên nước; Kỹ thuật cấp nước.	1. Quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường (3TC) 2. Quan trắc và đánh giá chất lượng môi trường (3TC) 3. Quản lý tổng hợp tài nguyên nước (3TC)
2	Môi trường đất và nước	Hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Sinh học; Công nghệ sinh học; Khoa học về trái đất; Địa chất học; Địa lý; Khí tượng thủy văn; Địa vật lý; Hải dương học; Lâm nghiệp; Nông nghiệp; Thủy lợi; Xây dựng, Giao thông; Đô thị học; Cấp thoát nước; Kỹ thuật trắc địa, Bản đồ; GIS và viễn thám.	1. Khoa học môi trường (3TC) 2. Hóa môi trường (3TC) 3. Chuyên đề kiến thức nâng cao (3TC)
3	Môi trường đất và nước	Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường	Các nguyên lý khoa học môi trường (3TC)
	KHOA KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VẬT LIỆU		
1	Khoa học vật liệu (hướng của Trường ĐH KHTN)	Vật lý học, Hóa học, Sinh học, Môi trường, Điện tử viễn thông, Công nghệ thông tin	Đại cương khoa học vật liệu (3TC) Vật liệu polymer và composite (3TC)
2	Khoa học vật liệu (hướng liên kết với Viện CN VLTT, ĐHQG-HCM)	Hóa học; Công nghệ hóa học; Công nghệ sinh hóa học; Công nghệ Dược; Y học; Công nghệ môi trường; Vật lý; Kỹ thuật điện tư- viễn thông; Kỹ thuật điện; Kỹ thuật cơ khí; Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật giao thông; Công nghệ thông tin; Thủy sản	Xem chi tiết trong thông báo tuyển sinh

Phụ lục 3. Quy định năng lực ngoại ngữ dự tuyển NCS

YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

1. Chứng chỉ ngoại ngữ đầu vào trình độ tiến sĩ:

a) Chứng chỉ ngoại ngữ đạt tối thiểu trình độ B2 theo CEFR (tương đương bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam). Các chứng chỉ còn thời hạn 02 năm tính từ ngày thi chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển. Cụ thể các chứng chỉ được áp dụng và thang điểm tối thiểu như sau:

Stt	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/ đơn vị cấp	Điểm tối thiểu
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT/ *Educational Testing Service (ETS)*	iBT 46
		IELTS/ *British Council; International Development Program (IDP); Cambridge ESOL*	IELTS 5.5
		Cambridge Exam/ *Cambridge ESOL*	B2 First: 160 B2 Business Vantage: 160 Linguaskill: 160
		Aptis ESOL/ *British Counci*	B2
5	Tiếng Pháp	CIEP/ Alliance francaise diplomas/ *Bộ Giáo dục Pháp*	TCF B2 từ 400 trở lên ; DELF B2 trở lên ; Diplôme de Langue
6	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The Germann TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN4) trở lên
7	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)/ *Tổ chức Hanban, Trung Quốc*	HSK level 4 trở lên
8	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)/ *Japan Foundation*	JLPT N3 trở lên
9	Tiếng Nga	ТРКИ / *Viện tiếng Nga Quốc gia A.X.Puskin; Phân viện Puskin*	ТРКИ – 2 trở lên
10	Tiếng Hàn	TOPIK/ *Viện Giáo dục Quốc tế Quốc* gia Hàn Quốc (NIIED)	TOPIK Level 4

b) Chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh đạt tối thiểu bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (VSTEP) do các cơ sở đào tạo Việt Nam cấp và được Bộ GDĐT công nhận. Các chứng chỉ còn thời hạn 02 năm tính từ ngày thi chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển. Các cơ sở đào tạo Việt Nam được Bộ GDĐT công nhận cấp chứng chỉ VSTEP gồm:

stt	Tên đơn vị	stt	Tên đơn vị
1	Trường Đại học Sư phạm TP. HCM	20	Học viện Khoa học Quân sự
2	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG- TP. HCM	21	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM
3	Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội	22	Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐH Huế
4	Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐH Đà Nẵng	23	Học viện Cảnh sát Nhân dân
5	Đại học Thái Nguyên	24	Đại học Bách Khoa Hà Nội

stt	Tên đơn vị	stt	Tên đơn vị
6	Trường Đại học Cần Thơ	25	Trường Đại học Nam Cần Thơ
7	Trường Đại học Hà Nội	26	Trường Đại học Ngoại thương
8	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	27	Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM
9	Trường Đại học Vinh	28	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
10	Trường Đại học Sài Gòn	29	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM
11	Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM	30	Trường Đại học Lạc Hồng
12	Trường Đại học Trà Vinh	31	Trường Đại học Đồng Tháp
13	Trường Đại học Văn Lang	32	Đại học Duy Tân
14	Trường Đại học Quy Nhơn	33	Trường Đại học Phenikaa
15	Trường Đại học Tây Nguyên	34	Học Viện Ngân hàng
16	Học viện An ninh Nhân dân	35	Trường ĐH Tài chính – Marketing
17	Học viện Báo chí Tuyên truyền	36	Trường ĐH Thành Đô
18	Trường Đại học Công Thương TP.HCM	37	Trường Đại học Mở TP.HCM
19	Trường Đại học Thương mại	38	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

(Nhà trường sẽ cập nhật danh sách cơ sở cấp chứng chỉ VSTEP theo thông báo của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GDĐT tại thời điểm xét tuyển)

2. Văn bằng ngoại ngữ xét đầu vào trình độ tiến sĩ

a) Người dự tuyển là công dân Việt Nam có một trong những minh chứng sau:

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của VIệt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài là tiếng Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật, Hàn do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

b) Người dự tuyển là công dân nước ngoài, lưu học sinh Hiệp định (*là người nước ngoài được tiếp nhận học tập tại Việt Nam và được Chính phủ Việt Nam cấp học bổng theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên*) nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài (*đơn vị được tổ chức đánh giá năng lực tiếng Việt gồm: các cơ sở giáo dục đại học có đào tạo ngành Văn học, Sư phạm Ngữ văn, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; các đơn vị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng tiếng Việt cho người nước ngoài*) hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định ngoại ngữ của CSĐT (nếu có).

TIÊU CHUẨN NGƯỜI HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH

1. Tiêu chuẩn chung của người hướng dẫn:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài, có nhân thân rõ ràng; có phẩm chất, đạo đức tốt; có sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với các học phần đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ giảng dạy, nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế;

d) Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:

- Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ;

- Trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành.

2. Trong thời gian **05 năm** (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:

a) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; **các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên** tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả);

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế.

3. Mỗi nghiên cứu sinh có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có ít nhất 01 người là cán bộ cơ hữu của Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ trọn thời gian tại Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

4. Chỉ tiêu hướn dẫn nghiên cứu sinh đối với người hướng dẫn:

a) Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 07 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập

tối đa 03 nghiên cứu sinh. Trường hợp đồng hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 nghiên cứu sinh;

b) Xét tăng số lượng hướng dẫn nghiên cứu sinh: Người hướng dẫn được xét tăng số lượng hướng dẫn nếu người hướng dẫn thỏa các điều kiện sau:

- Liên tục trong 3 năm và mỗi năm là tác giả chính ít nhất 03 báo cáo khoa học, bài báo khoa học uy tín, được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus hoặc tương đương tính đến thời điểm đăng ký hướng dẫn nghiên cứu sinh.

- Có các đề tài, dự án hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu sinh.

- Số lượng hướng dẫn nghiên cứu sinh xét tăng thêm không vượt quá 50% số lượng mà người hướng dẫn được phân bổ theo quy định hiện hành.

- Có nhu cầu hướng dẫn nghiên cứu sinh nhiều hơn so với quy định hiện hành;

c) Giảm số lượng hướng dẫn nghiên cứu sinh đối với trường hợp sau:

- Trong 3 năm gần nhất tính đến thời điểm đăng ký hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn không có công bố khoa học mới.

- Không có các đề tài, dự án hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu sinh.

- Số lượng hướng dẫn nghiên cứu sinh bị giảm không vượt quá 50% số lượng mà người hướng dẫn được phân bổ theo quy định hiện hành.

Phụ lục 4. Danh sách GV hướng dẫn NCS

CÁC HƯỚNG NGHIÊN CỨU VÀ DANH SÁCH GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH

(Danh sách có thể cập nhật bổ sung trong thông báo tuyển sinh trình độ tiến sĩ)

TT	Giảng viên hướng dẫn NCS	Hướng nghiên cứu	thông tin liên hệ GVHD
	Ngành: Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin; Trí tuệ nhân tạo		
1	TS. Bùi Tiến Lên	Khoa học máy tính (Sinh trắc học)	btlen@fit.hcmus.edu.vn
3	TS. Châu Thành Đức	Khoa học máy tính (Xử lý tín hiệu âm thanh)	ctduc@fit.hcmus.edu.vn
4	TS. Đinh Bá Tiến	Khoa học máy tính (Tối ưu hóa)	dbtien@fit.hcmus.edu.vn
5	PGS.TS. Đinh Điền	Khoa học máy tính (Xử lý ngôn ngữ tự nhiên)	ddien@fit.hcmus.edu.vn
9	TS. Lâm Quang Vũ	Công nghệ phần mềm / Khoa học máy tính (Xử lý ảnh, Trí tuệ nhân tạo)	lqvu@@fit.hcmus.edu.vn
10	GS.TS. Lê Hoài Bắc	Khoa học máy tính (Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu)	lhbac@fit.hcmus.edu.vn
11	PGS.TS. Lê Hoàng Thái	Khoa học máy tính (Sinh trắc học)	lhthai@fit.hcmus.edu.vn
12	PGS.TS. Lê Nguyễn Hoài Nam	Hệ thống thông tin (Khai thác văn bản)	lnhnam@fit.hcmus.edu.vn
13	TS. Lê Thị Nhàn	Hệ thống thông tin (Khai thác dữ liệu)	ltnhan@fit.hcmus.edu.vn
14	PGS.TS. Lý Quốc Ngọc	Khoa học máy tính (Thị giác máy tính)	lqngoc@fit.hcmus.edu.vn
16	TS. Ngô Huy Biên	Công nghệ phần mềm, Thị giác máy tính và Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	nhbien@fit.hcmus.edu.vn
17	TS. Ngô Minh Nhựt	Khoa học máy tính (Xử lý tín hiệu âm thanh và tiếng nói)	nmnhut@fit.hcmus.edu.vn
18	PGS.TS. Nguyễn Đình Thúc	Khoa học máy tính (Mật mã học và An ninh thông tin)	ndthuc@fit.hcmus.edu.vn
20	TS. Nguyễn Hải Minh	Khoa học máy tính	nhminh@fit.hcmus.edu.vn
22	TS. Nguyễn Ngọc Thảo	Khoa học máy tính (Thị giác máy tính và Khai thác dữ liệu)	nnthao@fit.hcmus.edu.vn
23	TS. Nguyễn Thanh Phương	Khoa học máy tính	ntphuong@fit.hcmus.edu.vn
24	TS. Nguyễn Thị Minh Tuyền	Công nghệ phần mềm (Kiểm chứng phần mềm)	ntmtuyen@fit.hcmus.edu.vn
25	TS. Nguyễn Trần Minh Thư	Hệ thống thông tin (Dịch vụ thông minh)	ntmthu@fit.hcmus.edu.vn
26	TS. Nguyễn Trường Sơn	Hệ thống thông tin (Xử lý ngôn ngữ tự nhiên)	ntson@fit.hcmus.edu.vn

TT	Giảng viên hướng dẫn NCS	Hướng nghiên cứu	thông tin liên hệ GVHD
27	PGS.TS. Nguyễn Văn Vũ	Công nghệ phần mềm/Khoa học máy tính (Ước lượng phần mềm, kiểm thử tự động, khai thác dữ liệu lớn)	nvu@fit.hcmus.edu.vn
28	TS. Phạm Nguyễn Cương	Hệ thống thông tin (Dịch vụ thông minh)	pncuong@fit.hcmus.edu.vn
29	TS. Phạm Thị Bạch Huệ	Hệ thống thông tin (Bảo mật dữ liệu)	ptbhue@fit.hcmus.edu.vn
31	PGS.TS. Trần Đan Thư	Công nghệ phần mềm / Khoa học máy tính	tdthu@fit.hcmus.edu.vn
32	PGS.TS. Trần Minh Triết	Kỹ thuật phần mềm / Khoa học máy tính (Môi trường thông minh và Đa phương tiện)	tmtriet@fit.hcmus.edu.vn
33	TS. Trần Thái Sơn	Khoa học máy tính (Máy học, thị giác máy tính)	ttson@fit.hcmus.edu.vn
34	TS. Trần Trung Dũng	Khoa học máy tính (Mạng máy tính)	ttdung@fit.hcmus.edu.vn
35	PGS.TS. Vũ Hải Quân	Khoa học máy tính (Trí tuệ nhân tạo, xử lý ngôn ngữ tự nhiên)	vhquan@fit.hcmus.edu.vn
36	PGS.TS. Dương Anh Đức	Khoa học máy tính	anhduc.duong@gmail.com
37	PGS.TS. Nguyễn Thanh Hiên (Trường ĐH Ngân hàng, HCM)	Khoa học máy tính	hiennt.mis@buh.edu.vn
38	TS. Bùi Văn Thạch	An toàn thông tin	bvthach@fit.hcmus.edu.vn
39	TS. Vũ Thị Minh Hằng	Khoa học máy tính	vtmhang@fit.hcmus.edu.vn
	Toán giải tích		
1	PGS. TS. Lý Kim Hà	Toán Giải tích	lkha@hcmus.edu.vn
2	TS. Ông Thanh Hải	Toán Giải tích	othai@hcmus.edu.vn
3	TS. Lê Ánh Hạ	Toán Giải tích	laha@hcmus.edu.vn
4	PGS.TS. Bùi Lê Trọng Thanh	Toán Giải tích	bltthanh@hcmus.edu.vn
5	TS. Nguyễn Đăng Khoa	Toán Giải tích	ndkhoa@hcmus.edu.vn
6	TS. Nguyễn Thị Hoài Thương	Toán Giải tích	ngththuong@hcmus.edu.vn
7	TS. Trần Thị Khiếu	Toán Giải tích	ttkhieu@hcmus.edu.vn
8	TS. Nguyễn Đình Thi	Toán Giải tích	ndthi@hcmus.edu.vn
9	TS. Nguyễn Thành Long	Toán Giải tích	longnt2@gmail.com
10	PGS.TS. Nguyễn Minh Quân (Trường ĐH QT, ĐHQG-HCM)	Toán Giải tịch	quannm@hcmiu.edu.vn
11	PGS. TS. Nguyễn Huy Tuấn (trường ĐH Ngân hàng)	Toán Giải tích	thnguyen2683@gmail.com, tuannh@hub.edu.vn
12	TS. Trần Bảo Ngọc (Trường ĐH Nông Lâm)	Toán Giải tích	tranbaongoc@hcmuaf.edu.vn
13	PGS. TS. Đào Văn Dương (Trường ĐH Xây dựng Miền Trung-Phú Yên)	Toán Giải tích	daovanduong@muce.edu.vn

TT	Giảng viên hướng dẫn NCS	Hướng nghiên cứu	thông tin liên hệ GVHD
	Đại số và lí thuyết số		
1	GS.TS. Bùi Xuân Hải	Vành chia và Lý thuyết nhóm tuyến tính trên vành chia	bxhai@hcmus.edu.vn
2	TS. Trịnh Thanh Đèo	Đại số đường đi Leavitt	ttdeo@hcmus.edu.vn
3	GS.TS. Mai Hoàng Biên	Vành chia và Lý thuyết nhóm tuyến tính trên vành chia	mhbien@hcmus.edu.vn
4	TS. Nguyễn Hữu Trí Nhật	Phân tích ma trận	nhtnhat@hcmus.edu.vn
	TS. Nguyễn Anh Thi	Giải tích ma trận	nathi@hcmus.edu.vn
5	TS. Vũ Mai Trang (Trường ĐH Bình Dương)	Vành chia	trangvm8234@gmail.com
6	PGS.TS. Trương Hữu Dũng (Trường ĐH Đồng Nai)	Phân tích ma trận	thdung@dnpu.edu.vn
7	TS. Lê Quí Danh (Trường ĐH Kiến trúc, HCM)	Cấu trúc vành không giao hoán	danh.lequi@uah.edu.vn
8	TS. Nguyễn Thị Thu Hà (Trường ĐH Ngân Hàng)	Cấu trúc vành	nguyenthithuha8282@gmail.com
	Lý thuyết xác suất và Thống kê toán học		
1	GS.TS. Đặng Đức Trọng	Bài toán ngược, thống kê, giải tích	ddtrong@hcmus.edu.vn
2	TS. Tô Đức Khánh	Lí thuyết xác suất và TK toán học, Khoa học dữ liệu, tin học	tdkhanh@hcmus.edu.vn
	Toán ứng dụng		
1	GS.TS. Đặng Đức Trọng	Bài toán ngược, thống kê, giải tích	ddtrong@hcmus.edu.vn
2	PGS.TS. Nguyễn Lê Hoàng Anh	Lý thuyết tối ưu	nlhanh@hcmus.edu.vn
3	PGS.TS. Võ Sĩ Trọng Long	Lý thuyết tối ưu	vstlong@hcmus.edu.vn
4	TS. Nguyễn Thị Yến Ngọc	Cơ học	ntyngoc@hcmus.edu.vn
5	TS. Vũ Đỗ Huy Cường	Cơ học	vdhcuong@hcmus.edu.vn
6	TS. Bùi Xuân Thắng	Cơ học	bxthang@hcmus.edu.vn
7	TS. Tạ Thị Nguyệt Nga	Toán tử dưới vi phân	ttnnga@hcmus.edu.vn
8	GS.TS. Lâm Quốc Anh (Trường ĐH Cần Thơ)	Lý thuyết tối ưu	quocanh@ctu.edu.vn
9	PGS.TS. Lê Thanh Tùng (Trường ĐH Cần Thơ)	Lý thuyết tối ưu	lttung@ctu.edu.vn
10	PGS.TS. Nguyễn Minh Tùng (Trường ĐH Ngân hàng)	Lý thuyết tối ưu	tungnm@buh.edu.vn
11	PGS.TS. Nguyễn Trung Kiên (trường ĐH Cần Thơ)	Thuật toán tối ưu	trungkien@ctu.edu.vn
12	PGS.TS. Cao Thanh Tình (Trường ĐH CNTT, ĐHQG-HCM	Phương trình vi phân phiếm hàm, Lý thuyết điều khiển tối ưu	tinhct@uit.edu.vn

TT	Giảng viên hướng dẫn NCS	Hướng nghiên cứu	thông tin liên hệ GVHD
	Cơ sở toán học cho tin học		
1	PGS.TS. Nguyễn Thanh Bình	Khoa học dữ liệu, Máy Học Ứng Dụng	ngtbinh@hcmus.edu.vn
2	TS. Trần Anh Tuấn	Khoa học dữ liệu, Máy Học Ứng Dụng	tratuan@hcmus.edu.vn
	Vật lý lý thuyết và vật lý toán		
1	TS. Võ Quốc Phong	Hạt cơ bản, vũ trụ học	vqphong@hcmus.edu.vn
2	TS. Trần Nguyên Lân	Quang lượng tử, thông tin lượng tử, tính toán lượng tử	tnlan@hcmus.edu.vn
3	TS. Lê Thọ Huệ (Trường ĐH Văn Lang)	Nghiên cứu các kênh rã của Higgs trong các mô hình chuẩn mở rộng	lethohue@vlu.edu.vn
4	PGS.TS. Phạm Nguyễn Thành Vinh (Trường ĐH Sư Phạm, HCM)	Nghiên cứu các tính chất các hệ khí thấp chiều	vinhpnt@hcmue.edu.vn
5	PGS.TS. Phan Hồng Khiêm (Trường ĐH Duy Tân)	Nghiên cứu các quá trình tương tác ở mức 1 vòng của các hạt cơ bản trong các mô hình mở rộng mô hình chuẩn.	phanhongkhiem@gmail.com
	Quang học		
1	PGS.TS. Lê Vũ Tuấn Hùng	Quang bán dẫn - photonics, vật liệu nano quang-điện	lvthung@hcmus.edu.vn
2	PGS.TS. Vũ Thị Hạnh Thu	Quang bán dẫn - photonics, vật liệu nano quang-điện, quang xúc tác	vththu@hcmus.edu.vn
3	TS. Lê Trấn	Quang bán dẫn - photonics, vật liệu nano quang-điện	ltran@hcmus.edu.vn
4	PGS.TS. Trần Cao Vinh (ĐHQG-HCM)	vật liệu nano nhiệt điện quang	tcvinh@hcmus.edu.vn
5	PGS.TS. Lâm Quang Vinh (ĐHQG-HCM)	Quang bán dẫn - photonics, vật liệu nano quang-điện	lqvinh@vnuhcm.edu.vn
6	TS. Phan Trung Vĩnh	Vật liệu quang phi tuyến, laser	ptvinh@hcmus.edu.vn
7	GS.TS. Trần Thị Thanh Vân	Vật liệu quang phát quang	tttvan@hcmus.edu.vn
	Vật lý nguyên tử và hạt nhân		
1	GS.TS. Châu Văn Tạo	Lý thuyết hạt nhân	cvtao@hcmus.edu.vn
2	PGS.TS. Trần Thiện Thanh	Kỹ thuật hạt nhân	ttthanh@hcmus.edu.vn
3	TS. Hoàng Thị Kiều Trang	Ứng dụng hạt nhân (Nông Sinh Y)	htktrang@hcmus.edu.vn
4	PGS.TS. Lê Công Hảo	Kỹ thuật hạt nhân	lchao@hcmus.edu.vn
5	TS. Trịnh Hoa Lăng	Lý thuyết hạt nhân	thlang@hcmus.edu.vn
	Vật lý địa cầu		
1	PGS.TS. Lê Văn Anh Cường	Tổ hợp phương pháp Vật lý địa cầu ứng dụng	lvacuong@hcmus.edu.vn

TT	Giảng viên hướng dẫn NCS	Hướng nghiên cứu	thông tin liên hệ GVHD
2	TS. Nguyễn Công Thành	Hải dương học	ncthanh@hcmus.edu.vn
3	PGS.TS. Võ Lương Hồng Phước	Hải dương học	vlhphuoc@hcmus.edu.vn
4	PGS.TS. Đặng Trường An	Hải dương học	dtan@hcmus.edu.vn
	Vật lý kỹ thuật		
1	PGS.TS. Huỳnh Văn Tuấn	Ứng dụng thuật toán học máy và học sâu trong phân tích dữ liệu	hvtuan@hcmus.edu.vn
2	PGS.TS. Đặng Văn Liệt	Xử lý ảnh	dangvanliet@gmail.com
3	PGS.TS. Trần Duy Tập	Vật liệu năng lượng tái tạo	tdtap@hcmus.edu.vn
4	TS. Nguyễn Chí Nhân	Nghiên cứu về thuật toán học sâu và ứng dụng	ncnhan@hcmus.edu.vn
5	TS. Đỗ Đức Cường	Từ học và vật liệu từ	ddcuong@hcmus.edu.vn
6	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiếu (ĐHQG-HCM)	Nghiên cứu, xác định tính ổn định và an toàn của hệ thống truyền tải điện gió	nvhieu@hcmus.edu.vn
7	PGS.TS. Phan Hồng Khiêm (ĐH Duy Tân	Vật lý tính toán	phanhongkhiem@gmail.com
8	TS. Nguyễn Anh Huy (Công ty Grab Việt Nam)	Học máy và học sâu	nahuy@hcmus.edu.vn
9	PGS.TS. Lê Văn Anh Cường	Giải bài toán ngược trong minh giải cấu trúc địa chất	lvacuong@hcmus.edu.vn
10	TS. Nguyễn Chí Linh	Xử lý ảnh, vật lý tính toán	nclinh@hcmus.edu.vn
11	TS. Nguyễn Quang Khởi	Bán dẫn phát quang, mô hình nhiệt-quang-màu, Chiếu sáng trạng thái rắn (LED, Laser), Xử lý ảnh	nqkhoi@hcmus.edu.vn
	Vật lý chất rắn		
1	PGS.TS. Trần Quang Trung	Vật lý chất rắn, linh kiện bán dẫn và ứng dụng	tqtrung@hucmus.edu.vn
2	TS. Lê Thụy Thanh Giang	Vật lý chất rắn (vật liệu có cấu trúc nano và ứng dụng)	lttgiang@hcmus.edu.vn
3	TS. Trần Xuân Bảo	Vật liệu chất rắn (vật liệu có từ tính và ứng dụng	txbao@hcmus.edu.vn
	Công nghệ bán dẫn		
1	PGS.TS. Trần Quang Trung	Công nghệ bán dẫn	tqtrung@hcmus.edu.vn
2	PGS.TS. Huỳnh Văn Tuấn	Công nghệ bán dẫn	hvtuan@hcmus.edu.vn
3	GS.TS. Phan Bách Thắng	Công nghệ bán dẫn	
4	PGS.TS. Trần Cao Vinh	Công nghệ bán dẫn	tcvinh@ vnuhcm.edu.vn
5	TS. Trần Quang Nguyên	Công nghệ bán dẫn	nguyentq@uit.edu.vn
6	TS. Nguyễn Quang Khởi	Công nghệ bán dẫn	tqkhoi@hcmus.edu.vn

TT	Giảng viên hướng dẫn NCS	Hướng nghiên cứu	thông tin liên hệ GVHD
7	TS. Lê Thụy Thanh Giang	Công nghệ bán dẫn	lttgiang@hcmus.edu.vn
8	TS. Trịnh Thị Lý	Công nghệ bán dẫn	ttly@jcmus.edu.vn
	Vật lý vô tuyến và điện tử		
1	TS. Huỳnh Hữu Thuận	Thiết kế phần cứng cho AI	hhthuan@hcmus.edu.vn
2	TS. Đặng Lê Khoa	Xử lý tín hiệu, tối ưu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo	dlkhoa@hcmus.edu.vn
3	PGS.TS. Lê Đức Hùng	Thiết kế vi mạch	ldhung@hcmus.edu.vn
	Thiết kế vi mạch		
1	PGS.TS. Lê Đức Hùng	Thiết kế vi mạch	ldhung@hcmus.edu.vn
2	TS. Đặng Lê Khoa	Xử lý tín hiệu, tối ưu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo	dlkhoa@hcmus.edu.vn
3	PGS.TS. Phạm Kim Ngọc	Thiết kế vi mạch trí tuệ nhân tạo	pkngoc@hcmus.edu.vn
4	TS. Bùi Trọng Tú	Thiết kế vi mạch	bttu@hcmus.edu.vn
5	TS. Huỳnh Hữu Thuận	Các thuật toán và kiến trúc phần cứng tiên tiến cho các ứng dụng DSP	hhthuan@hcmus.edu.vn
6	TS. Nguyễn Minh Trí	Thiết kế vi mạch	nmtri@hcmus.edu.vn
	Hóa hữu cơ		
1	GS.TS. Nguyễn Trung Nhân	Hợp chất tự nhiên và Hóa dược	ntnhan@hcmus.edu.vn
2	PGS.TS. Tôn Thất Quang	Hợp chất Tự nhiên và Hóa dược	ttquang@hcmus.edu.vn
3	PGS.TS. Trần Lê Quan	Hợp chất Tự nhiên và Hóa dược	tlquan@hcmus.edu.vn
4	GS.TS. Nguyễn Thị Thanh Mai (ĐHQG-HCM)	Hợp chất Tự nhiên và Hóa dược	nttmai@hcmus.edu.vn
5	PGS.TS. Đặng Hoàng Phú	Hợp chất Tự nhiên và Hóa dược	dhphu@hcmus.edu.vn
6	TS. Nguyễn Thị Ý Nhi	Hợp chất Tự nhiên và Hóa dược	ntynhi@hcmus.edu.vn
7	TS. Huỳnh Ngọc Vinh	Hợp chất Tự nhiên và tổng hợp hữu cơ	hnvinh@hcmus.edu.vn
8	PGS.TS. Trần Hoàng Phương	Tổng hợp hữu cơ	thphuong@hcmus.edu.vn
9	TS. Nguyễn Thị Thảo Trân	Tinh dầu	ntttran@hcmus.edu.vn
10	PGS.TS. Lưu Thị Xuân Thi	Tổng hợp hữu cơ	ltxthi@hcmus.edu.vn
11	TS. Nguyễn Huy Du	Tổng hợp hữu cơ, hóa dược	nhdu@hcmus.edu.vn
	Hóa phân tích		
1	PGS.TS. Nguyễn Văn Đông	Phân tích sắc ký, quang/khối phổ & Vật liệu	dongvan@hcmus.edu.vn
2	TS. Nguyễn Huy Du	Phân tích sắc ký, quang/khối phổ	nhdu@hcmus.edu.vn

TT	Giảng viên hướng dẫn NCS	Hướng nghiên cứu	thông tin liên hệ GVHD
3	PGS.TS. Trương Lâm Sơn hải	Phân tích sắc ký, quang/khối phổ	tlshai@hcmus.edu.vn
4	TS. Trịnh Thị Diệu Bình	Phân tích dược liệu	ttdbinh@hcmus.edu.vn
5	TS. Ngô Trang Như Ngọc	Phân tích dược liệu	ntnngoc@hcmus.edu.vn
	Hóa lý thuyết và hóa lý		
1	PGS.TS. Nguyễn Thái Hoàng	Hóa lý - Điện hóa học	nthoang@hcmus.edu.vn
2	PGS.TS. Lê Viết Hải	Hóa lý - Điện hóa học	lvhai@hcmus.edu.vn
3	PGS. TS. Hoàng Ngọc Cường	Polyme	hncuong@hcmus.edu.vn
4	PGS.TS. Nguyễn Công Tránh	Polyme	nctranh@hcmus.edu.vn
5	TS. Võ Phong Phú	Polyme	vpphu@hcmus.edu.vn
6	PGS.TS. Trần Văn Mẫn	Hóa lý - Điện hóa học	tvman@hcmus.edu.vn
7	PGS.TS. Huỳnh Lê Thanh Nguyên	Hóa lý - Điện hóa học	hltnguyen@hcmus.edu.vn
8	PGS.TS. Phạm Trần Nguyên Nguyên	Hóa lý thuyết	ptnnguyen@hcmus.edu.vn
9	PGS.TS. Cổ Thanh Thiện	Hóa lý - Hóa xúc tác	ctthien@hcmus.edu.vn
10	PGS.TS. Võ Quốc Khương	Hóa lý - Hóa học nano	vkkhuong@hcmus.edu.vn
11	PGS.TS. Nguyễn Tuyết Phương	Hóa Vô cơ - vật liệu chuyển hóa năng lượng	ntphuong@hcmus.edu.vn
12	PGS.TS. Lê Tiến Khoa	Hóa Vô cơ - vật liệu quang xúc tác	ltkhoa@hcmus.edu.vn
13	TS. Đái Huệ Ngân	Hóa lý - Điện hóa sinh học	dhngan@hcmus.edu.vn
14	TS. Nguyễn Thị Kiều Phương	Hóa lý - Vật liệu khung hữu cơ - kim loại	mvttam@hcmus.edu.vn
15	TS. Mai Văn Thanh Tâm	Hóa Lý thuyết	ntkphuong@hcmus.edu.vn
16	TS. Nguyễn Minh Thọ (GS thỉnh giảng ĐH Văn Lang)	Hóa lý thuyết và hóa lý	minh.nguyen@kuleuven.be
17	TS. Nguyễn Duy Trinh (Trường ĐH Nguyễn Tất Thành)	Hóa lý thuyết và hóa lý	ndtrinh@ntt.edu.vn
	Sinh lý học thực vật		
1	PGS.TS. Trần Thanh Hương	- Dinh dưỡng và phát triển thực vật - Phương pháp nuôi cấy mô và tế bào cho vi nhân giống, cải tiến giống, thu nhận hợp chất thứ cấp, thu nhận lipid để sản xuất nhiên liệu sinh học.	trthuong@hcmus.edu.vn
2	TS. Đỗ Thường Kiệt	Nghiên cứu các điều kiện stress để kiểm soát sản phẩm quang hợp (năng suất, thu sinh khối), sản phẩm thứ	dtkiet@hcmus.edu.vn

TT	Giảng viên hướng dẫn NCS	Hướng nghiên cứu	thông tin liên hệ GVHD
		cấp (thu nhận dược chất), và phát sinh hình thái lá.	
3	TS. Trần Thị Thanh Hiền	Tăng năng suất cây có củ	ttthien@hcmus.edu.vn
4	TS. Trịnh Cẩm Tú	-Kiểm soát sự phát triển hoa và trái -Kiểm soát sự tăng trưởng của vi tảo	tctu@hcmus.edu.vn
	Sinh lý học người và động vật		
1	GS.TS. Trần Lê Bảo Hà	Vật liệu y sinh/Công nghệ hỗ trợ sinh sản	tlbha@hcmus.edu.vn
2	PGS.TS. Nguyễn Thị Huệ	Tầm soát chỉ thị phân tử trong chẩn đoán, tiên lượng ung thư vú. Khảo sát tiềm năng sử dụng các panel SNP trong tiên lượng nguy cơ ung thư vú. Phát triển các công cụ tin sinh đánh giá tiềm năng của của các chỉ thị phân tử trong các bệnh ung thư.	nthue@hcmus.edu.vn
3	TS. Đặng Thị Tùng Loan	Tế bào gốc và y học tái tạo	dttloan@hcmus.edu.vn
4	TS. Nguyễn Thị Ngọc Thanh	Nghiên cứu di truyền y sinh	ngtnthanh@hcmus.edu.vn
5	TS. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	Vật liệu y sinh/Kỹ nghệ mô	ntnmy@hcmus.edu.vn
	Vi sinh vật học		
1	PSG.TS. Phan Thị Phượng Trang	Vi sinh trong nông nghiệp, trong thực phẩm và vi sinh trong y học	ptptrang@hcmus.edu.vn
2	PGS.TS. Nguyễn Đức Hoàng	Vi sinh trong y học	ndhoang@hcmus.edu.vn
3	TS. Nguyễn Hoàng Chương	Di truyền vi sinh vật	nhchuong@hcmus.edu.vn
	Hóa sinh học		
1	GS.TS. Ngô Đại Nghiệp	Các hợp chất có hoạt tính sinh học	0908283498; ndnghiep@hcmus.edu.vn
2	TS. Trần Quốc Tuấn	Protein - Enzyme và các hợp chất có hoạt tính sinh học	trqtuan@hcmus.edu.vn, 0907837841
3	PGS.TS. Nguyễn Dương Tâm Anh	Nhiên liệu sinh học, năng lượng sinh khối	0909865364; ndtanh@hcmus.edu.vn
4	PGS.TS. Ngô Đại Hùng	Các hợp chất có hoạt tính sinh học	0762218429; hungnd@tdmu.edu.vn
5	PGS.TS. Kha Chấn Tuyền	Các hợp chất có hoạt tính sinh học, công nghệ thực phẩm	0909367094, khachantuyen@hcmuaf.edu.vn

TT	Giảng viên hướng dẫn NCS	Hướng nghiên cứu	thông tin liên hệ GVHD
6	PGS.TS. Võ Thanh Sang	Hoá Sinh dược	0937428226; vtsang@ntt.edu.vn
7	TS. Nguyễn Thị Thảo Trân	Các hợp chất có hoạt tính sinh học	0913132667; ntttran@hcmus.edu.vn
8	PGS.TS. Vòng Bính Long	Vật liệu nano phân phối thuốc trong y sinh	091367300; vblong@hcmiu.edu.vn
	Sinh thái học		
1	PGS.TS. Hoàng Đức Huy	Di truyền và Tiến hóa phân tử Động vật	hdhuy@hcmus.edu.vn
2	PGS.TS. Trần Ngọc Diễm My	Đa dạng sinh học, sinh thái động vật không xương sống cỡ nhỏ và cỡ lớn	tndmy@hcmus.edu.vn
3	TS. Nguyễn Thị Kim Dung	Chính sách môi trường, Quản trị tài nguyên thiên nhiên, Mô hình sinh kế bền vững, Giải pháp thuận thiên	ntkdung@hcmus.edu.vn
	Di truyền học		
1	TS. Nguyễn Hoàng Chương	Di truyền vi sinh vật	nhchuong@hcmus.edu.vn
2	TS. Nguyễn Thụy Vy	Di truyền học	ntvy@hcmus.edu.vn
	Công nghệ sinh học		
1	GS.TS. Đặng Thị Phương Thảo	Công nghệ sinh học mỹ phẩm, thực phẩm- thuỷ sản	dtpthao@hcmus.edu.vn
2	PGS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Trinh	Công nghệ sinh học	ntmtrinh@hcmus.edu.cn
	Địa chất học		
1	TS. Nguyễn Thị Tố Ngân	Viễn thám, GIS, Tai biến môi trường	nttngan@hcmus.edu.vn
2	TS. Lê Thị Thúy Vân	Địa chất môi trường	lttvan@hcmus.edu.vn
3	TS. Ngô Trần Thiện Quý	Địa chất đới bờ, trầm tích luận	nttquy@hcmus.edu.vn
5	TS. Nguyễn Đình Thanh	Tai biến địa chất, địa kỹ thuật, GIS và viễn thám, hệ thống hỗ trợ quy hoạch và phát triển bền vững	ngdthanh@hcmus.edu.vn
6	TS. Phạm Thanh Thủy	Thạch luận, địa hóa dầu khí	ptthuy@hcmus.edu.vn
7	TS. Đỗ Văn Lĩnh (LĐ Bản đồ ĐC MN)	Địa kiến tạo, tai biến địa chất	dovalinh@gmail.com
8	PGS. TS. Hoàng Thị Thanh Thủy (Trường ĐH TNMT)	Tai biến địa chất, Địa hóa môi trường	httthuy@hcmunre.edu.vn
9	TS. Hồ Thu Hiền	Địa kỹ thuật xây dựng, Môi trường	hthien@hcmus.edu.vn

TT	Giảng viên hướng dẫn NCS	Hướng nghiên cứu	thông tin liên hệ GVHD
	Môi trường đất và nước		
1	TS. Nguyễn Lý Sỹ Phú	- Thủy ngân, kim loại và isotope Pb trong môi trường không khí - Chất lượng không khí, ô nhiễm không khí, hóa học và vật lý khí quyển - AI ứng dụng trong dữ liệu môi trường, phân tích dữ liệu bằng các phương pháp toán học tiên tiến	nlsphu@hcmus.edu.vn
2	PGS.TS. Tô Thị Hiền	- Đặc trưng của các chất ô nhiễm trong môi trường không khí và môi trường nước - Ô nhiễm không khí trong nhà và ảnh hưởng sức khỏe - Phát thải khí nhà kính (Methane) - Xử lý các chất ô nhiễm trong nước	tohien@hcmus.edu.vn
	Quản lý tài nguyên và môi trường		
1	PGS. TS. Lê Ngọc Tuấn	- Quản lý môi trường - Sinh kế nông nghiệp bền vững, thích ứng với BĐKH và hướng đến NET Zero	lntuan@hcmus.edu.vn, 0908371379
2	TS. Nguyễn Lý Sỹ Phú	- Thủy ngân, kim loại và isotope Pb trong môi trường không khí - Chất lượng không khí, ô nhiễm không khí, hóa học và vật lý khí quyển - AI ứng dụng trong dữ liệu môi trường, phân tích dữ liệu bằng các phương pháp toán học tiên tiến	nlsphu@hcmus.edu.vn
3	TS. Võ Thị Minh Hoàng	- Đổi mới trong nông nghiệp: Phát triển các mô hình sinh kế thông minh - Các con đường chuyển đổi: Quá trình chuyển đổi nông nghiệp nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và hướng tới kinh tế tuần hoàn - Phân tích chính sách: Chiến lược quản lý chất lượng không khí, tài nguyên nước và định hướng lại sinh kế - Kinh tế môi trường và định giá dịch vụ hệ sinh thái	vtmhoang@hcmus.edu.vn
4	PGS.TS. Tô Thị Hiền	- Đặc trưng của các chất ô nhiễm trong môi trường không khí và môi trường nước - Ô nhiễm không khí trong nhà và ảnh hưởng sức khỏe - Phát thải khí nhà kính (Methane) - Xử lý các chất ô nhiễm trong nước	tohien@hcmus.edu.vn

TT	Giảng viên hướng dẫn NCS	Hướng nghiên cứu	thông tin liên hệ GVHD
	Khoa học vật liệu (KHTN)		
1	PGS.TS. Trần Thị Như Hoa	Phát triển vật liệu nano với cấu trúc lai hóa/đa lớp ứng dụng trong cảm biến quang học/sinh học nhằm phát hiện chất độc hại trong công nghiệp và nông nghiệp	ttnhoa@hcmus.edu.vn ĐT: 0777670385
2	PGS.TS. Phạm Kim Ngọc	Chế tạo linh kiện memristors và ứng dụng chip trở nhớ trong trí tuệ nhân tạo	phamkngoc@hcmus.edu.vn ĐT: 0945295084
3	TS. Vũ Hoàng Nam	1. Mô phỏng đa thang cho hệ vật liệu phức hợp dựa trên trường lực học máy 2. Ảnh hưởng của tương tác tương quan điện tử lên hành vi chuyển pha của các oxit kim loại chuyển tiếp	vhnam@hcmus.edu.vn ĐT: 0907594479
4	PGS.TS. Trần Duy Tập	1. Pin nhiên liệu hydro 2. Vật liệu hạt nhân 3. Vật liệu không gian	tdtap@hcmus.edu.vn ĐT: 0798071485
5	PGS.TS. Hà Thúc Chí Nhân	1. Nghiên cứu phát triển các loại hỗn hợp vật liệu polymer sinh học trong công nghệ in 3D - FDM 2. Tổng hợp/điều chế các hỗn hợp polymer trên cơ sở các nguồn biomass tái tạo mang tính phân hủy sinh học/tương thích sinh học - Ứng dụng trong lĩnh vực nhựa thân thiện môi trường và vật liệu y sinh. 3. Nghiên cứu tinh chế tách chiết SiO2 trong tro than xỉ từ các nhà máy nhiệt điện Việt Nam - Ứng dụng chế tạo vật liệu nanocomposite chống tĩnh điện trong lĩnh vực bao bì linh kiện điện tử	htcnhan@hcmus.edu.vn; ĐT: 0906628359
6	TS. Nguyễn Phước Trung Hòa	Tối ưu hóa cấu trúc sợi quang phi tuyến, trên nền vật liệu tellurite, chalcogenide, ứng dụng trong tạo nguồn laser tiên tiến	npthoa@hcmus.edu.vn ĐT: 0382450601
7	GS.TS. Trần Thị Thanh Vân	1. Nghiên cứu vật liệu phát quang pha tạp đất hiếm và chế tạo cảm biến quang học nhằm ứng dụng trong lĩnh vực môi trường, y sinh 2. Tăng cường hiệu suất phát quang của vật liệu phát quang chuyển đổi ngược (UCNPs) dựa vào cấu trúc UCNPs/metasurface	tttvan@hcmus.edu.vn
	Khoa học vật liệu (Viện Công nghệ Nano)		
1	PGS.TS. Đoàn Đức Chánh Tín (Viện Công nghệ Nano)	Vật liệu nano, chế tạo cảm biến môi trường khí thải và nước	ddctin@vnuhcm.edu.vn

TT	Giảng viên hướng dẫn NCS	Hướng nghiên cứu	thông tin liên hệ GVHD
2	TS. Lê Thị Mai Hoa (Viện Công nghệ Nano)	Chế tạo vật liệu nano Au, Fe_3O_4 định hướng ứng dụng trong y sinh, cảm biến sinh học điện hóa định hướng ứng dụng trong y sinh, chẩn đoán tế bào ung thư	ltmhoa@vnuhcm.edu.vn
3	PGS.TS. Đặng Thị Mỹ Dung (Viện Công nghệ Nano)	Cảm biến sinh học trên đế giấy sử dụng công nghệ in phun	dtmdung@vnuhcm.edu.vn
4	PGS.TS. Phạm Văn Việt (Trường ĐH Công nghệ)	Nghiên cứu cơ chế truyền tải điện tích trong các tiếp giáp dị thể bán dẫn/ bán dẫn nhằm ứng dụng cho xử lý không khí ô nhiễm	pv.viet@hutech.edu.vn